TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/DS-PT
Ngày: 18-8-2023
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quản

Các Thẩm phán: Bà Phạm Phong Lan, ông Vũ Đức Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc bị kháng cáo. Theo Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 59/TB-TA ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Lê Tấn L, sinh năm 1970;

2. Ông Lê Tấn L1, sinh năm 1957;

3. Ông Lê Nguyễn Thành L2, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Tấn L1 và anh Lê Nguyễn Thành L2: Ông Lê Tấn L, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn L3, sinh năm 1945. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Ngọc Phương U, sinh năm 1995.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H, luật sư của Chi nhánh Công ty L6 luật H&P.

Cùng địa chỉ: Lô A, khu dân cư H, đường T, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đinh Thị M, sinh năm 1986;

2. Ông Đặng Văn C, sinh năm 1985;

3. Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1977;

4. Bà Trịnh Thị N1, sinh năm 1965;

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Trịnh Thị N1: Ông Nguyễn L3. sinh năm 1945. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

5. Ông Đặng Văn Q, sinh năm 1981;

6. Bà Trần Thị L4, sinh năm 1985;

7. Ông Đặng Ngọc T, sinh năm 1968;

8. Bà Võ Thị Thanh T1, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

9. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khu phố F, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận;

10. Ông Nguyễn Quốc D1, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

11. Ông Võ Anh T2, sinh năm 1971;

12. Bà Nguyễn Thị Yến L5, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

13. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt ông L, anh L2, ông L3, bà U, luật sư H; các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 5 năm 2016 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Tấn L, ông Lê Tấn L1 và anh Lê Nguyễn Thành L2 do ông Lê Tấn L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Hộ gia đình ông gồm: ông Lê Tấn L1, ông Lê Nguyễn Thành L2 và ông Lê Tấn L được Nhà nước giao khoán ruộng diện tích 2.206 m^2 tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Sau đó được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423195 ngày 10/12/1996 đứng tên hộ ông Lê Tấn L. Năm 1999, ông Lê Tấn L1 thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng N2 - chi nhánh xã H để vay số tiền 5.000.000 đồng. Năm 2000, ông Nguyễn L3 từ thành phố Hồ Chí Minh về thôn T, xã H sinh sống, được ông cho mượn diện tích đất này để trồng thanh long, tuy nhiên, ông

Nguyễn L3 tự ý qua Ngân hàng N2 - chi nhánh H trả tiền vay 5.000.000 đồng, đồng thời tự ý kê khai phần diện tích đất này và được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 133902 ngày 19/6/2001 đứng tên Nguyễn L3. Sau đó, ông Nguyễn L3 đã làm thủ tục tách và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 133902 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 19/6/2001 thành 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP 207772 và số BP 207773 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cùng ngày 10/3/2014 đứng tên hộ ông Nguyễn L3.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu giải quyết: Tuyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423195 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 10/12/1996 cho hộ ông Lê Tấn L là hợp pháp. Buộc ông Nguyễn L3 phải trả lại diện tích đất đo đạc hiện trạng 2.416,8m^2 tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423195 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 10/12/1996 đứng tên hộ ông Lê Tấn L. Buộc Ủy ban nhân dân huyện H ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 207772 và số BP 207773 cấp cùng ngày 10/3/2014 đứng hộ ông Nguyễn L3. Đối với các công trình xây dựng trên đất thì yêu cầu tháo dỡ toàn bộ để trả lại hiện trạng đất ban đầu cho hộ ông Lê Tấn L. Ngoài ra, các nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn L3 đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị N1 trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn T3 và cụ Lê Thị A để lại cho ông từ năm 1993. Ông canh tác sử dụng đất này đến năm 1996, do hoàn cảnh gia đình phải đưa con đi điều trị bệnh dài hạn tại thành phố Hồ Chí Minh nên ông giao diện tích đất trên cho ông L nhờ trông coi quản lý. Khoảng năm 2000, khi ông về thì ông L làm giấy ủy quyền trả lại ruộng đất và nói giấy tờ đất đang thế chấp tại Ngân hàng N2 - chi nhánh H. Sau đó, ông đến Ngân hàng trả tiền và lấy lại giấy tờ đất đã thế chấp, đồng thời làm các thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2001, ông được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 133902 ngày 19/6/2001, thuộc thửa 604 và 605, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.206m. Năm 2014, ông xin chuyển mục đích sử dụng đất và cấp đổi thành 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 207772, thửa số 263, tờ bản đồ số 42, diện tích 750,4m^2 và số BP 207773, thửa số 273, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.456,4m^2 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cùng ngày 10/3/2014 đứng hộ ông Nguyễn L3. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông tiến hành trồng thanh long và xây dựng nhà trên đất ở đến nay. Sau khi bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận có hiệu lực pháp luật, ông đã bán gần hết diện tích đất trên để lấy tiền chữa bệnh cho người con gái bị bệnh bại liệt. Bị đơn ông Nguyễn L3 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn L, ông Lê Tấn L1, ông Lê Nguyễn Thành L2. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện H có văn bản từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Sau khi hòa giải không thành, ngày 16/02/2023, Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đã đưa vụ án ra xét xử tại bản án số 06/2023/DS-ST, quyết định:

Căn cứ vào:

Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a, c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 4, Điều 5, Điều 95, Điều 99, Điều 100, Điều 166, Khoản 1 Điều 179, Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lê Tấn L, ông Lê Tấn L1 và anh Lê Nguyễn Thành L2 về việc: Yêu cầu ông Nguyễn L3 tháo dỡ tài sản trên đất, trả lại diện tích đất theo đo đạc hiện trạng 2.416,8m^2 tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 207772 và số BP 207773 do UBND huyện H cấp cùng ngày 10/3/2014 đứng tên hộ ông Nguyễn L3.

2. Hủy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423195 do UBND huyện H cấp ngày 10/12/1996 đứng tên hộ ông Lê Tấn L.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự và việc thi hành án dân sự.

Ngày 01/3/2023, nguyên đơn ông Lê Tấn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Tấn L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Nguyễn L3 phải giao lại thửa đất tranh chấp cho nguyên đơn hoặc trả cho nguyên đơn giá trị quyền sử dụng đất theo giá đất 1.500.000đ/m^2 mà Hội đồng định giá đã xác định nhân với diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà nguyên đơn được cấp là 2.206m^2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị đơn: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông Nguyễn L3 để lại cho ông L3, khi ông L3 vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống thì có giao lại cho các con của ông L3 (ông L, ông L1) sử dụng. Năm 2000, ông L3 từ thành phố Hồ Chí Minh về và đã lấy lại đất, đồng thời phải bỏ tiền ra để trả cho ngân hàng khoản tiền ông L1 vay ngân hàng và thế chấp quyền sử dụng đất. Qua việc ông L3 trả khoản vay cho nguyên đơn và trực tiếp quản lý thửa đất tranh chấp từ năm 2000 đến nay chứng tỏ khi sang tên quyền sử dụng đất cho ông L3 có sự đồng ý của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ y bản án sơ thẩm.

Ý kiến Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: - Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án. Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; - Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tấn L, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn hoàn trả giá trị đất cho các nguyên đơn.Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết luận tranh tụng và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên toà vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng có văn bản xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa.

[2] Diện tích đất tranh chấp 2.206m^2 (đất ruộng) tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận có nguồn gốc của cha mẹ ông Nguyễn L3 là cụ Nguyễn Văn T3 và cụ Lê Thị A. Sau giải phóng, diện tích đất này được đưa vào Hợp tác xã N3 - Hàm Thắng. Năm 1993, thực hiện chính sách của Nhà nước giao khoán ruộng đất cho các hộ dân để canh tác, Hợp tác xã đã giao diện tích đất này cho hộ ông Lê Tấn L. Sau khi Hợp tác xã giải thể thì hộ ông L vẫn tiếp tục quản lý, canh tác và đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423195 ngày 10/12/1996 với diện tích 2.206m^2 cho hộ ông L (gồm ông Lê Tấn L1, ông Lê Tấn L và anh Lê Nguyễn Thành L2, ông L, ông L1 là con ông Nguyễn L3, là cháu nội của cụ T3 và cụ A, anh L2 là con của ông L1). Việc UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L là đúng quy định của pháp luật, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L3 không phải là người sản xuất nông nghiệp tại địa phương, không có tên trong hộ ông L. Như vậy, có đủ căn cứ xác định diện tích 2.206m^2 thuộc quyền sử dụng của hộ ông L.

[3] Năm 1999, ông L ủy quyền cho ông Lê Tấn L1 thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng N2 (chi nhánh xã H) để vay số tiền 5.000.000 đồng. Năm 2000, ông L3 từ Thành phố Hồ Chí Minh trở về quê sinh sống, ông L3 đã đến Chi nhánh Ngân hàng trả khoản nợ vay của ông L1, lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn L3. Ông L3 cho rằng ông L làm giấy ủy quyền trả lại ruộng đất cho ông để ông đến Ngân hàng tất toán khoản vay của ông L1 và nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L3 nhưng ông L không thừa nhận, ông L cho rằng

ông chỉ cho cha mình là ông L3 mượn đất để canh tác, ông không làm văn bản giao lại thửa đất trên cho ông L3. Qua xác minh tại Ngân hàng cũng như trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn L3 thì không có văn bản ủy quyền của L cho ông L3 như ông L3 trình bày. Mặt khác, đất cấp cho hộ ông L, nếu chỉ mình ông L đồng ý mà không có ý kiến của ông L1 thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L3 cũng không đúng quy định. Tại Công văn số 206/UBND-NC ngày 24/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho L3 là không đúng quy định pháp luật, đồng thời kiến nghị Tòa án hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông L3.

[4] Như vậy, không có căn cứ cho rằng diện tích đất 2.206m^2 ông L giao trả lại cho ông L3 quản lý, sử dụng theo như trình bày của ông L3. Việc ông L3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng đối tượng sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho nguyên đơn là không khách quan, không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn yêu cầu ông L3 phải trả lại diện tích đất tranh chấp hoặc hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất theo đơn giá mà Hội đồng định giá đã xác định: 1.500.000đ/m^2 x 2.206m^2 = 3.309.000.000đ. Nếu Tòa án buộc bị đơn trả cho nguyên đơn giá trị quyền sử dụng đất thì nguyên đơn không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bị đơn. Xét thấy, việc ông L3 sử dụng đất của hộ ông L từ năm 2000 là được sự đồng ý của ông L, trên đất hiện nay có nhiều công trình xây dựng không thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn. Do vậy, cấp phúc thẩm sẽ giao cho ông L3 được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp và ông L3 phải hoàn trả cho các nguyên đơn giá trị quyền sử dụng đất. UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L là đất lúa, nay ông L3 đã chuyển mục đích sử dụng thành đất trồng cây lâu năm, trong quá trình sử dụng ông L3 có công sức giữ gìn, tôn tạo, chi phí đầu tư vào đất (cải tạo đất lúa để trồng thanh long, đổ đất nền san lấp mặt bằng) làm tăng giá trị của đất. Đơn giá 1.500.000đ/m^2 không phải là giá đất lúa ban đầu mà là đất trồng cây lâu năm và bao gồm cả giá trị đầu tư vào đất. Mặt khác, nguồn gốc đất tranh chấp là do cha mẹ ông L3 để lại, ông L3 đã sử dụng đất trên 20 năm, nguyên đơn, bị đơn là những người trong gia đình (ông L3 là cha ông L, ông L1 và là ông nội của anh L2) nên Hội đồng xét xử xem xét tính công sức đóng góp cho ông L3 bằng 25% giá trị tài sản tranh chấp. Ông L3 có trách nhiệm hoàn trả cho các nguyên đơn: 3.309.000.000 đ - 3.309.000.000 đ x 25% = 2.481.750.000đ.

[6] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông L3: Mặc dù cấp không đúng trình tự, thủ tục và đối tượng nhưng Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cho ông L3 được quyền sử dụng đất và ông L3 phải hoàn lại tiền cho nguyên đơn nên không cần phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông L3. Về diện tích đất tăng thêm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông L3 đăng ký biến động theo quy định của pháp luật về đất đai.

[7] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ của ông L: Mặc dù UBND huyện H cấp đúng quy định của pháp luật nhưng đáng lẽ ra khi UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L3 thì phải thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông L nhưng UBND huyện H chưa thu hồi. Việc tồn tại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng cấp cho các chủ sử dụng khác nhau đối với cùng thửa đất sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người sử dụng đất nên Tòa án sẽ hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

[8] Do vậy, kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[9] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chi phí tố tụng nguyên đơn đã nộp đủ, nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Tấn L; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc.

Áp dụng Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a, c Khoản 1 Điều 39, Điều 34, Điều 147, 148, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 5, Điều 166, Khoản 1 Điều 179, Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lê Tấn L, ông Lê Tấn L1 và anh Lê Nguyễn Thành L2.

Buộc ông Nguyễn L3 phải trả cho ông Lê Tấn L1, ông Lê Tấn L và anh Lê Nguyễn Thành L2 2.481.750.000 đồng (hai tỷ bốn trăm tám mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Nguyễn L3 được quyền sử dụng thửa đất số 263, tờ bản đồ số 42, diện tích 750,4m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 207772 và thửa đất thửa số 273, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.456,4m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 207773 do UBND huyện H cấp cùng ngày 10/3/2014 đứng tên hộ ông Nguyễn L3 tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 423195 do UBND huyện H cấp ngày 10/12/1996 cho hộ ông Lê Tấn L.

3. Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

- Về án phí: Ông Lê Tấn L, ông Lê Tấn L1 và anh Lê Nguyễn Thành L2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Lê Tấn L, ông Lê Tấn L1 và anh Lê Nguyễn Thành L2 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008193 ngày 17/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc. Ông Lê Tấn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Tấn L 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0023044 ngày 24/8/2018 và 300.000đ theo biên lai số 0014411 ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Ông Nguyễn L3 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn L3 phải trả cho ông Lê Tấn L số tiền 11.488.500 đồng chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc đất mà ông L đã nộp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 18/8/2023.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TA, CC THA huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP - Tòa án tỉnh;
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quản